

Số: **31** /2019/QĐ-UBND

Hoà Bình, ngày **13** tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Hoà Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH

Căn cứ Luật Giá ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phương pháp tính giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Giá;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 206/TTr-STC ngày 27/6/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định giá cụ thể dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước (có phụ lục kèm theo); giá tối đa đối với dịch vụ xe chở hàng vào

chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; việc quản lý và sử dụng nguồn thu từ dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp tiền dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng điện tích bán hàng, đặt cửa hàng, cửa hiệu, quầy hàng, ki ốt ở chợ buôn bán cố định thường xuyên tại chợ và người buôn bán không thường xuyên, không cố định tại chợ.

b) Đơn vị thu tiền dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ.

- Ban Quản lý chợ, tổ quản lý chợ hoặc bộ phận quản lý chợ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thành lập (sau đây gọi là Ban Quản lý chợ).

- Doanh nghiệp, hợp tác xã quản lý chợ hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Luật hợp tác xã.

Điều 2. Giá dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ

1. Giá cụ thể dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng); chưa bao gồm: giá dịch vụ vệ sinh môi trường, chi phí: điện, nước, phòng cháy chữa cháy.

2. Giá tối đa dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước quy định không được vượt quá 2 lần đơn giá tại phụ lục đính kèm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng); chưa bao gồm: giá dịch vụ vệ sinh môi trường, chi phí: điện, nước, phòng cháy chữa cháy

Điều 3. Quản lý và sử dụng nguồn thu

1. Số tiền thu được là doanh thu của đơn vị cung cấp dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ có trách nhiệm kê khai, nộp thuế theo quy định.

2. Việc thu tiền dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ phải có biên lai, hóa đơn thu theo quy định.

3. Đơn vị thu tiền dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ phải mở sổ sách kế toán để theo dõi, phản ảnh việc thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu theo đúng quy định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị, tổ chức thực hiện thu tiền dịch vụ tại chợ theo quy định.

2. Đối với chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước: Chủ đầu tư căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa, dịch vụ, xây dựng mức giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng, nhưng tối đa không được cao hơn 2 lần mức giá đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Sở Công thương, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố nơi doanh nghiệp đầu tư xây dựng chợ trước khi ban hành quyết định giá để tổ chức thực hiện; đồng thời, gửi quyết định giá cho Sở Công thương, Sở Tài chính và các ngành có liên quan.

3. Đơn vị thu tiền xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ có trách nhiệm niêm yết cụ thể giá dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ theo đúng quy định.

4. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn về việc sử dụng hóa đơn, thu tiền dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ thống nhất trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành.

5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan có liên quan kiểm tra việc thực hiện Quyết định này theo quy định hiện hành.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019 trên địa bàn tỉnh Hoà Bình và bãi bỏ Mục 3 quy định tạm thời sản phẩm, dịch vụ chuyển từ phí sang giá dịch vụ do nhà nước định giá ban hành kèm theo Quyết định số 02/2017/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Công thương, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Các đơn vị quản lý chợ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Công thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chánh /Phó CVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học Công báo tỉnh HB;
- Lưu: VT, TT (100^b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Văn Khánh

PHỤ LỤC

Quy định giá cụ thể dịch vụ xe chở hàng vào chợ để kinh doanh, dịch vụ bảo vệ và dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước

(Kèm theo Quyết định số: **31** /2019/QĐ-UBND ngày **13**/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình)

STT	Nội dung	ĐVT	Mức giá dịch vụ
1	Chợ tại các phường, thị trấn		
1.1	Điểm cố định		
1.1.1	Đối với nhà kiên cố	Đồng/m ² /tháng	25.000
1.1.2	Đối với nhà bán kiên cố	Đồng/m ² /tháng	18.000
1.2	Điểm lưu động	Đồng/lượt	3.000
1.3	Thu chuyển xe chở hàng hoá		
	Xe máy kéo; xe mô tô 2 bánh (các xe tương tự) và xe thô sơ	Đồng/lượt	3.000
	Xe tải trọng dưới 1,5 tấn	Đồng/lượt	5.000
	Xe tải trọng từ 1,5 tấn đến 3,5 tấn	Đồng/lượt	10.000
	Xe tải trọng từ 3,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/lượt	15.000
	Xe tải trọng trên 5 tấn	Đồng/lượt	22.000
1.4	Bảo vệ qua đêm (tùy theo giá trị quầy hàng)		
	Giá trị dưới 50 triệu đồng	(Đồng/tháng/quầy)	50.000
	Giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	(Đồng/tháng/quầy)	80.000
	Giá trị từ 200 triệu đồng trở lên	(Đồng/tháng/quầy)	100.000
2	Chợ tại các khu vực còn lại		
2.1	Điểm cố định		

STT	Nội dung	ĐVT	Mức giá dịch vụ
2.1.1	Đối với nhà kiên cố	Đồng/m ² /tháng	15.000
2.1.2	Đối với nhà bán kiên cố	Đồng/m ² /tháng	10.000
2.2	Điểm lưu động	Đồng/lượt	2.000
2.3	Thu chuyển xe chở hàng hoá	(Đồng/chuyến)	
	Xe thô sơ	Đồng/lượt	2.000
	Xe tải trọng dưới 1,5 tấn	Đồng/lượt	3.000
	Xe tải trọng từ 1,5 tấn đến 3,5 tấn	Đồng/lượt	5.000
	Xe tải trọng từ 3,5 tấn đến 5 tấn	Đồng/lượt	10.000
	Xe tải trọng trên 5 tấn	Đồng/lượt	12.000
2.4	Bảo vệ qua đêm (tùy theo giá trị quầy hàng)		
	Giá trị dưới 50 triệu đồng	(Đồng/tháng/quầy)	30.000
	Giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng	(Đồng/tháng/quầy)	50.000
	Giá trị từ 200 triệu đồng trở lên	(Đồng/tháng/quầy)	80.000

UBND TỈNH HÒA BÌNH